

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm hàng hóa quà tặng
- Dự toán: Mua sắm hàng hóa tặng đoàn viên Công đoàn Công ty trách nhiệm hữu hạn TERUMO Việt Nam ngày Tết Trung thu và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 năm 2025
- Nguồn vốn: Ngân sách Công đoàn Công ty trách nhiệm hữu hạn TERUMO Việt Nam
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng; Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Địa điểm dự án: Lô 44A-44B-44C, Khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam
- Thuế VAT: Giá gói thầu đang xác định thuế VAT theo quy định của Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- **Chủng loại:** Hàng hóa có chủng loại rõ ràng, nhà thầu chịu trách nhiệm điền đầy đủ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, năm sản xuất, hãng sản xuất của hàng hóa và các thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa dự thầu. Nhà thầu không được chào hơn một ký mã hiệu/ nhãn hiệu/ hãng sản xuất cho một đơn vị hàng hóa yêu cầu; không đề xuất “trương đương” đối với các thông tin về hàng hoá.

- **Tiêu chuẩn hàng hóa:**

+ **Chất lượng mới 100%**, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025. Hàng hóa phải có tem đảm bảo chất lượng của nhà sản xuất, nhà phân phối và ghi hạn sử dụng, nguyên vẹn sản phẩm.

+ Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và nhà thầu cam kết có Giấy chứng nhận xuất xứ CO, Giấy chứng nhận chất lượng CQ (nếu hàng hoá nhập khẩu) và cung cấp các giấy tờ CO, CQ khi thực hiện hợp đồng.

+ Nhà thầu cam kết hàng hóa cung cấp cho gói thầu không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ, sở hữu nhãn mác của Việt Nam và quốc tế.

+ **Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị** cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô (nếu có) quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.

- **Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, thay thế:**

+ Nhà thầu có thuyết minh, cung cấp hàng hóa để thực hiện công tác kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đáp ứng các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm.

+ Nhà thầu có thuyết minh hàng hoá thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ thời gian hàng hoá có hiệu lực bảo hành, cam kết sẵn sàng cung cấp 5% hàng hóa dự phòng trên tổng số lượng hàng hóa để thực hiện ngay công tác đổi hàng khi phát hiện các hàng hóa lỗi cần thay thế. Nhà thầu đề xuất thời gian và cam kết sẵn sàng có nhân sự thực hiện các công việc sửa chữa, thay thế hàng hóa. Đối với các hàng hoá do Nhà thầu sửa chữa và thay thế, thời hạn bảo hành cho các hàng hoá này được tính từ ngày kết thúc việc sửa chữa, thay thế.

- Yêu cầu đóng gói: Nhà thầu có thuyết minh việc in ấn, đóng gói hàng hóa theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Đóng gói hàng hóa để tránh hư hỏng trong quá trình chuyên chở hàng hoá tới nơi nhận cuối cùng như đã quy định trong hợp đồng. Việc đóng gói phải đảm bảo để chịu đựng không giới hạn việc va chạm trong khi bốc dỡ chuyên tải và khi hàng hoá bị phơi dưới nhiệt độ cao, có muối mặn, mưa và tại bãi cất giữ ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến tình trạng xa xôi của điểm đến cuối cùng và sự thiếu các phương tiện chuyên tải ở mọi điểm trong khi chuyên tải. Nhà thầu chịu trách nhiệm về in ấn bao bì, logo (nếu có) và chịu trách nhiệm về pháp lý bản quyền, chi phí đối với nhà sản xuất hàng hóa.

- Yêu cầu vận chuyển:

+ Nhà thầu có thuyết minh đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển và lưu trữ. Trong quá trình vận chuyển phải đảm bảo hàng hóa còn mới 100%, nguyên vẹn bao bì, không trầy xước khi giao hàng.

+ Nhà thầu thuyết minh khả năng tự vận tải hàng hoá hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị vận tải hàng hoá (tài liệu kèm theo)

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

- Các thông số kỹ thuật được mô tả dưới hình thức bảng biểu dưới đây. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu.

- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa chính mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalô của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các hàng hoá chính.

- Một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. Trường hợp nhà thầu kê khai không đúng so với tài liệu chứng minh của nhà sản xuất, E-HSMT của nhà thầu được đánh giá là Bỏ sót nội dung.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Hộp bánh trung thu	Thông số đính kèm 1
2	Bộ bát sứ	Thông số đính kèm 2

THÔNG SỐ KÈM THEO 1

A. THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

I. Bánh nướng loại 1, 150g, 1 cái

1. Thành phần: Đường, bột mì, đậu xanh, dầu thực vật (dầu cọ, dầu nành, dầu phộng), nước đường, hạt sen, khoai môn (6,4%), mạch nha, chất làm ẩm (422, 420(ii)), trứng gà, bột nếp, chất ổn định (1442, 461, 170(i)), hương liệu tổng hợp (khoai môn, dừa, vani), chất tạo xốp (339(i), 452(i)), chất xơ, chất bảo quản (202), đạm sữa, muối, chất điều chỉnh độ acid (330), chất tạo màu tổng hợp (150c, 129, 160a(i), 133, 102).

2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 75 ngày kể từ ngày sản xuất. Bánh sẽ còn hạn sử dụng tối thiểu sau rằm trung thu (tức sau ngày 15/8/2025 âm lịch) từ 4-7 ngày.

3. Khối lượng tịnh: 150 g/cái

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Mỗi bánh được chứa trong một khay nhựa PET và được đóng gói kín trong bao bì màng nhựa phức hợp cho riêng từng bánh

5. Các chỉ tiêu cảm quan: Theo TCVN 12940-2020

- Hình thái: Vỏ bánh không bị cháy, nhân cứng hoặc nhân nhuyễn
- Màu sắc: Đặc trưng cho sản phẩm
- Mùi: Đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi lạ
- Vị: Đặc trưng cho sản phẩm, không có vị lạ
- Tạp chất: Không có tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường

6. Đáp ứng các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo TCVN 12940-2020: Tổng vi sinh vật hiếu khí, cfu/g; E. coli, cfu/g; Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase, cfu/g; Salmonella /25g; Nấm mốc, số bào tử /g

7. Đáp ứng hàm lượng kim loại nặng : Theo TCVN 12940-2020: Hàm lượng chì, mg/kg: không lớn hơn 0,5

8. Đáp ứng hàm lượng hóa chất không mong muốn: Theo QCVN 8-1 : 2011/BYT: Hàm lượng Aflatoxin B1; Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1B2G1G2); Hàm lượng Ochratoxin A; Hàm lượng Zearalenone; Hàm lượng Deoxynivalenol(DON)

II. Bánh nướng loại 2, 150g, 1 cái

1. Thành phần: Bột mì, nước đường, lạc xường (8,1%), trứng vịt muối, mè, đường, mút gừng, mỡ heo, mút bí, hạt dưa, mút chanh, hạt điều, dầu thực vật (dầu

cọ, dầu mè, dầu phộng), chất làm ẩm (420(ii), 422), chất ổn định (1442), bột nếp, sốt thịt nướng BBQ, đậu phộng, rượu trắng, trứng gà, bột gia vị thịt, chao đỏ, chất điều vị (621), muối, lá chanh, hương liệu tổng hợp (thịt, khói, vani), ngũ vị hương, tiêu, chất bảo quản (202), đạm sữa, chất tạo màu tổng hợp (150c, 160a(i), 102, 129).

2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 75 ngày kể từ ngày sản xuất. Bánh sẽ còn hạn sử dụng tối thiểu sau rằm trung thu (tức sau ngày 15/8/2025 âm lịch) từ 4-7 ngày.

3. Khối lượng tịnh: 150 g/cái

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Mỗi bánh được chứa trong một khay nhựa PET và được đóng gói kín trong bao bì màng nhựa phức hợp cho riêng từng bánh

5. Các chỉ tiêu cảm quan: Theo TCVN 12940-2020

- Hình thái: Vỏ bánh không bị cháy, nhân cứng hoặc nhân nhuyễn

- Màu sắc: Đặc trưng cho sản phẩm

- Mùi: Đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi lạ

- Vị: Đặc trưng cho sản phẩm, không có vị lạ

- Tạp chất: Không có tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường

6. Đáp ứng các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo TCVN 12940-2020: Tổng vi sinh vật hiếu khí, cfu/g; E. coli, cfu/g; Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase, cfu/g; Salmonella /25g; Nấm mốc, số bào tử /g

7. Đáp ứng hàm lượng kim loại nặng : Theo TCVN 12940-2020: Hàm lượng chì, mg/kg: không lớn hơn 0,5

8. Đáp ứng hàm lượng hóa chất không mong muốn: Theo QCVN 8-1 : 2011/BYT: Hàm lượng Aflatoxin B1; Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1B2G1G2); Hàm lượng Ochratoxin A; Hàm lượng Zearalenone; Hàm lượng Deoxynivalenol(DON)

III. Bánh nướng loại 3, 150g, 1 cái

1. Thành phần: Đường, bột mì, dầu thực vật (dầu cọ, dầu nành, dầu phộng, dầu mè), đậu xanh (11%), nước đường, trứng vịt muối (8,1%), hạt sen, mạch nha, bột nếp, trứng gà, chất làm ẩm (420(ii), 422), chất ổn định (170(i), 1442), mỡ heo, bột lá dứa (0,3%), chất xơ, hương liệu tổng hợp (lá dứa, đậu xanh, vani), chất tạo xốp (339(i), 452(i)), chất bảo quản (202), muối, đạm sữa, chất điều chỉnh độ acid (330), chất tạo màu tổng hợp (150c, 102, 160a(i), 133, 129), rượu trắng, chất chống oxi hóa (223).

2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 75 ngày kể từ ngày sản xuất. Bánh sẽ còn hạn sử dụng tối thiểu sau rằm trung thu (tức sau ngày 15/8/2025 âm lịch) từ 4-7 ngày.

3. Khối lượng tịnh: 150 g/cái

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Mỗi bánh được chứa trong một khay nhựa PET và được đóng gói kín trong bao bì màng nhựa phức hợp cho riêng từng bánh

5. Các chỉ tiêu cảm quan: Theo TCVN 12940-2020

- Hình thái: Vỏ bánh không bị cháy, nhân cứng hoặc nhân nhuyễn

- Màu sắc: Đặc trưng cho sản phẩm

- Mùi: Đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi lạ

- Vị: Đặc trưng cho sản phẩm, không có vị lạ

- Tạp chất: Không có tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường

6. Đáp ứng các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo TCVN 12940-2020: Tổng vi sinh vật hiếu khí, cfu/g; E. coli, cfu/g; Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase, cfu/g; Salmonella /25g; Nấm mốc, số bào tử /g

7. Đáp ứng hàm lượng kim loại nặng : Theo TCVN 12940-2020: Hàm lượng chì, mg/kg: không lớn hơn 0,5

8. Đáp ứng hàm lượng hóa chất không mong muốn: Theo QCVN 8-1 : 2011/BYT: Hàm lượng Aflatoxin B1; Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1B2G1G2); Hàm lượng Ochratoxin A; Hàm lượng Zearalenone; Hàm lượng Deoxynivalenol(DON)

IV. Bánh nướng loại 4, 150g, 1 cái

1. Thành phần: Đường, bột mì, nước đường, dầu thực vật (dầu nành, dầu cọ, dầu mè), đậu xanh, hạt sen, mạch nha, bột nếp, bột phô mai (1,8%), trứng vịt muối (1,6%), xirô fructoza, trứng gà, bơ, chất làm ẩm (420(ii), 422), shortening, chất ổn định (1442, 170(i), 461), trehalose, hương liệu tổng hợp, sữa bột nguyên chất, muối, chất tạo xốp (339(i), 452(i)), chất nhũ hóa (322(i), 415), chất bảo quản (202), đạm sữa, chất chống oxi hóa (223), chất tạo màu tổng hợp (160a(i), 102, 129), chất điều chỉnh độ acid (330), rượu trắng.

2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 75 ngày kể từ ngày sản xuất. Bánh sẽ còn hạn sử dụng tối thiểu sau rằm trung thu (tức sau ngày 15/8/2025 âm lịch) từ 4-7 ngày.

3. Khối lượng tịnh: 150 g/cái

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Mỗi bánh được chứa trong một khay nhựa PET và được đóng gói kín trong bao bì màng nhựa phức hợp cho riêng từng bánh

5. Các chỉ tiêu cảm quan: Theo TCVN 12940-2020

- Hình thái: Vỏ bánh không bị cháy, nhân cứng hoặc nhân nhuyễn

- Màu sắc: Đặc trưng cho sản phẩm

- Mùi: Đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi lạ

- Vị: Đặc trưng cho sản phẩm, không có vị lạ

- Tạp chất: Không có tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường

6. Đáp ứng các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo TCVN 12940-2020: Tổng vi sinh vật hiếu khí, cfu/g; E. coli, cfu/g; Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase, cfu/g; Salmonella /25g; Nấm mốc, số bào tử /g

7. Đáp ứng hàm lượng kim loại nặng : Theo TCVN 12940-2020: Hàm lượng chì, mg/kg: không lớn hơn 0,5

8. Đáp ứng hàm lượng hóa chất không mong muốn: Theo QCVN 8-1 : 2011/BYT: Hàm lượng Aflatoxin B1; Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1B2G1G2); Hàm lượng Ochratoxin A; Hàm lượng Zearalenone; Hàm lượng Deoxynivalenol(DON)

V. Bánh dẻo loại 1, 180g

1. Thành phần

Đường, bột nếp, dừa (14,8%), mạch nha, chất ổn định (1442), chất làm ẩm (420(ii), 422, 1520), mứt bí, dầu thực vật (dầu nành, dầu cọ, dầu mè), sữa bột

nguyên chất (1,3%), hạt dưa, hương liệu tổng hợp (lá dứa, vani, dứa), chất bảo quản (202), chất điều chỉnh độ acid (330).

2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 50 ngày kể từ ngày sản xuất. Bánh sẽ còn hạn sử dụng tối thiểu sau rằm trung thu (tức sau ngày 15/8/2025 âm lịch) từ 4-7 ngày

3. Khối lượng tịnh: 180 g/cái

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Mỗi bánh được chứa trong một khay nhựa PET và được đóng gói

kín trong bao bì màng nhựa phức hợp cho riêng từng bánh

5. Các chỉ tiêu cảm quan: Theo TCVN 12941-2020

- Hình thái: Vỏ bánh mềm, dẻo; nhân bánh(nếu có) là nhân cứng hoặc nhân nhuyễn

- Màu sắc: Đặc trưng cho sản phẩm

- Mùi: Đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi lạ

- Vị: Đặc trưng cho sản phẩm, không có vị lạ

- Tạp chất: Không có tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường

6. Đáp ứng các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo TCVN 12941-2020: Tổng vi sinh vật hiếu khí, cfu/g; E. coli, cfu/g; Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase, cfu/g; Salmonella /25g; Nấm mốc, số bào tử /g

7. Đáp ứng hàm lượng kim loại nặng: Theo TCVN 12941-2020: Hàm lượng chì, mg/kg: không lớn hơn 0,5

8. Đáp ứng hàm lượng hóa chất không mong muốn: Theo QCVN 8-1 : 2011/BYT: Hàm lượng Aflatoxin B1, Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1B2G1G2), Hàm lượng Ochratoxin A, Hàm lượng Zearalenone, Hàm lượng Deoxynivalenol(DON).

V. Bánh dẻo loại 2, 180g

1. Thành phần

Đường, bột nếp, trứng vịt muối, dầu thực vật (dầu nành, dầu cọ, dầu phộng, dầu mè), hạt sen (6,4%), chất ổn định (1442, 170(i)), đậu xanh, chất làm ẩm (422, 420(ii), 1520), mạch nha, hương liệu tổng hợp (sen, lá dứa), chất bảo quản (202), chất tạo xốp (339(i), 452(i)), chất điều chỉnh độ acid (501(i), 330), muối, chất xơ, rượu trắng, chất chống oxi hóa (223).

2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 50 ngày kể từ ngày sản xuất. Bánh sẽ còn hạn sử dụng tối thiểu sau rằm trung thu (tức sau ngày 15/8/2025 âm lịch) từ 4-7 ngày

3. Khối lượng tịnh: 180 g/cái

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Mỗi bánh được chứa trong một khay nhựa PET và được đóng gói

kín trong bao bì màng nhựa phức hợp cho riêng từng bánh

5. Các chỉ tiêu cảm quan: Theo TCVN 12941-2020

- Hình thái: Vỏ bánh mềm, dẻo; nhân bánh(nếu có) là nhân cứng hoặc nhân nhuyễn

- Màu sắc: Đặc trưng cho sản phẩm

- Mùi: Đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi lạ

- Vị: Đặc trưng cho sản phẩm, không có vị lạ

- Tạp chất: Không có tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường

6. Đáp ứng các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo TCVN 12941-2020: Tổng vi sinh vật hiếu khí, cfu/g; E. coli, cfu/g; Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase, cfu/g; Salmonella /25g; Nấm mốc, số bào tử /g

7. Đáp ứng hàm lượng kim loại nặng: Theo TCVN 12941-2020: Hàm lượng chì, mg/kg: không lớn hơn 0,5

8. Đáp ứng hàm lượng hóa chất không mong muốn: Theo QCVN 8-1 : 2011/BYT: Hàm lượng Aflatoxin B1, Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1B2G1G2), Hàm lượng Ochratoxin A, Hàm lượng Zearalenone, Hàm lượng Deoxynivalenol(DON).

B. Thông tin đóng gói, vỏ hộp

1. Hộp:

- Hộp 6 bánh: Sản phẩm được đựng trong 3 hộp đôi sau đó cho vào hộp lớn. Hộp con ược làm từ chất liệu giấy duplex 400 in đa màu cán bóng

+ Kích thước hộp đôi : 23.5 x 11.5 x 6.5 cm

- Hộp lớn được làm từ chất liệu giấy duplex 230 bồi sóng E thiết kế dạng hộp cuộn cài nắp, quai xách dây dù, Hộp được in hệ đa màu cán bóng.

+ Kích thước hộp: 35 x 24.5 x 7cm

+ Kích thước quai: 25cm

2. Thiệp:

- Thiệp được làm từ chất liệu giấy Couche 200, in đa màu cán mờ

- Kích thước thiệp: 14.8 x 21cm

THÔNG SỐ KÈM THEO 2

BỘ 6 BÁT ĂN CƠM VÀ 2 BÁT ĐỰNG NƯỚC CHẤM

1. Thành phần: Bộ sản phẩm bao gồm 08 chi tiết

+ 06 Bát ăn cơm

+ 02 bát nước chấm

2. Màu sắc: màu trắng vân xanh ngọc

3. Thông tin chi tiết sản phẩm ($\pm 2\%$):

- Bát cơm:

Chiều cao	Độ dày miệng bát	Độ dày thân bát	Trọng Lượng(± 2)	Đường kính miệng	Đường kính đáy	Thể tích
6cm	3mm	5,7mm	182gr	11,5cm	5,5cm	300ml

-Bát chấm:

Chiều cao	Độ dày miệng bát	Độ dày thân bát	Trọng Lượng(± 2)	Đường kính miệng	Đường kính đáy	Thể tích
4cm	3mm	5,7mm	85gr	9,5cm	4,5cm	300ml

4. Mô tả sản phẩm

- Chất liệu: sản phẩm được làm từ chất liệu sứ cao lanh cao cấp, Màu sắc trắng sáng tự nhiên trong suốt và ít tạp chất. Hạt sứ mịn khi nung kết khối chặt tạo ra bề mặt nhẵn bóng và không thấm nước. Sứ được ngâm ở nhiệt độ cao (1300 đến 1400°C) giúp sản phẩm chắc bền, loại bỏ được hết tạp chất và kim loại nặng. Do được nung ở nhiệt độ cao nên khi tiếp xúc với thực phẩm sẽ không gây hại cho sức khỏe.
 - Hoa tiết: Bát trắng vân xanh ngọc, hoa văn xanh trên bát được chế tác bằng kỹ thuật vẽ dưới men cao cấp, ứng dụng in chuyển màu nhiều lớp tạo nên hiệu ứng chuyển sắc tinh tế. Đây là dòng men dưới an toàn, thân thiện với sức khỏe. Phần xanh trên thìa được trang trí bằng kỹ thuật dán hoa văn sau đó nung ở nhiệt độ cao.
 - Bao bì: bộ bát đĩa sứ 12 chi tiết được đóng trong hộp duplex bồi sóng E dày 4 li, in hệ màu CMYK đa màu theo yêu cầu của chủ đầu tư. Hộp cán màng bóng. Hộp có các tấm xương vách ngăn bằng bìa sóng 4 li ngăn cách giữa các sản phẩm, tránh va đập khi vận chuyển. Hộp có quai xách dù chắc chắn, chịu được tải trọng của bộ sản phẩm.
 - Sản phẩm được đóng trong thùng carton tiêu chuẩn xuất khẩu đảm bảo chắc chắn an toàn khi vận chuyển: Carton tối thiểu 5 lớp bồi sóng E. Quy cách đóng 8 bộ/1 thùng. Kích thước thùng: 51 x 27 x 53cm ($\pm 2\%$)
 - Sản phẩm được in logo của Công đoàn/ Công ty trên đáy bát
 - Tổng trọng lượng sản phẩm: 1262g ($\pm 16g$)
 - Kích thước hộp 46,6cm x 13cm x 21,5cm ($\pm 2\%$)
5. Sản phẩm cam kết đáp ứng các chỉ tiêu kiểm nghiệm bao gồm: Cd và Pb có yêu cầu Không phát hiện theo phương pháp thử QCVN 12-4:2015/BYT.

1.3. Các yêu cầu khác

- Phương thức thanh toán:
 - + Nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi bàn giao toàn bộ hàng hóa, các bên nghiệm thu, xuất hóa đơn, thanh lý hợp đồng theo quy định.
 - + Chủ đầu tư sẽ giữ lại tối đa 3% giá trị hợp đồng để thực hiện công tác bảo hành hàng hóa (giữ lại một phần giá trị của hợp đồng hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng), cho đến khi kết thúc thời gian bảo hành của hàng hóa.
- Tài chính:
 - + Chi phí dự thầu của nhà thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định hiện hành tại thời điểm phát hành mời thầu; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, giao hàng, thiết kế in ấn (nếu có), dự phòng.
 - + Nhà thầu có đề xuất cụ thể giá trị % thuế VAT của từng hàng hoá. Mức thuế suất giá trị gia tăng đối với các loại hàng hoá của các nhà thầu khi dự thầu được áp dụng chung với mức thuế suất giá trị gia tăng lập giá gói thầu. Việc xác định mức thuế VAT nhà thầu phải nộp khi thực hiện hợp đồng sẽ được xác định tại thời điểm nghiệm thu khối lượng công việc, bàn giao hàng hóa, căn cứ theo loại hình doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân... và được điều chỉnh khi có sự thay đổi về thuế VAT theo quy định.

- Cung cấp lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu: Nhà thầu các nội dung thuyết minh về lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu phù hợp với hàng hóa và quy định.

- Bảo hành: Nhà thầu có thuyết minh đề xuất kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành đối với từng hàng hóa. Thời gian bảo hành của hàng hóa tối thiểu 6 tháng và theo công bố của nhà sản xuất (áp dụng điều kiện cao hơn). Nhà thầu cam kết sẵn sàng có nhân sự thực hiện các công việc bảo hành trong thời gian 01 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

- Giao hàng:

+ Tại mỗi điểm nhà thầu giao hàng đến từng xưởng mà Chủ đầu tư chỉ định. Nhân viên giao hàng phải chuẩn bị đủ vật tư an toàn cần thiết như bình cứu hoả, áo bảo hộ có phản quang, đi giày, đeo khẩu trang, đảm bảo không có nồng độ cồn khi tham gia phát quà. Nhân sự tham gia phát quà phải có đầy đủ CCCD, đủ điều kiện an toàn lao động khi ra vào nhà máy khu công nghiệp, đủ sức khỏe và không mắc bệnh truyền nhiễm, giấy giới thiệu của công ty, số điện thoại, họ & tên.

+ Hàng hóa khi đến các đơn vị sử dụng phải được đóng thành phẩm bộ quà trước khi giao hàng. Khi phát tới tay người lao động về hình thức phải đẹp, ngay ngắn, không bị rách, hỏng.

+ Nhà thầu cam kết kiểm tra lại trước khi giao hàng để hàng hóa không bị thiếu, lỗi, hỏng....

- Khối lượng tăng giảm: Nhà thầu có cam kết sẽ cung cấp đầy đủ hàng hóa trong phạm vi tăng 10% khi có yêu cầu của Chủ đầu tư khi ký và thực hiện hợp đồng, cam kết cắt giảm hàng hóa trong phạm vi 10% khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Nhà thầu có thuyết minh, cam kết và thực hiện các nội dung sau:

- Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu 01 mẫu hàng hóa: Nhà thầu nộp đến Chủ đầu tư trong giai đoạn tham dự thầu hoặc nộp bổ sung trong thời gian 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu hoặc được nộp khi Chủ đầu tư có yêu cầu tại thời điểm đánh giá, đối chiếu tài liệu (nếu có văn bản yêu cầu) hoặc nộp đến Chủ đầu tư khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có văn bản yêu cầu). Hàng hóa có thể do Chủ đầu tư hoặc Tổ chuyên gia hoặc đơn vị thử nghiệm độc lập có chức năng thực hiện. Địa điểm nộp hàng hóa tại trụ sở Tư vấn đánh giá E-HSMT.

- Thử nghiệm: Căn cứ quy trình thử nghiệm được duyệt, nhà thầu cùng tư vấn giám sát (nếu có) thực hiện thử nghiệm, các giá trị thu được là một phần của công tác nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp tại nơi bàn giao để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền từ chối hàng hóa đó do không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Chương V, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Các hàng hóa đáp ứng kiểm tra, thử nghiệm sẽ là một phần của số lượng hàng hóa được bàn giao theo hợp đồng mua bán.

- Kiểm tra, thử nghiệm các nội dung đã hoàn thiện: được thực hiện khi đã cung cấp hoàn chỉnh và được thực hiện tại nơi bàn giao. Nhà thầu chịu tất cả chi phí có liên quan đến thực hiện thử nghiệm nghiệm thu, các thử nghiệm phục vụ nghiệm thu, vận hành và các công việc có liên quan đến công tác nghiệm thu.